

**BIỂU 1: TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÁC CÂY CỐI, HOA MÀU VÀ CÔNG TRÌNH, VẬT KIỆN TRÚC THEO KHOẢN 4 ĐIỀU 17
 QUY ĐỊNH KÈM QUYẾT ĐỊNH SỐ 07/2021/QĐ-UBND NGÀY 16/4/2021 CỦA UBND TỈNH LẠNG SƠN ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN:
 XÂY DỰNG MỞ MỚI TUYẾN ĐƯỜNG LIÊN XÃ TỪ THỊ TRẤN CHI LĂNG VÀO XÃ Y TỊCH, HUYỆN CHI LĂNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4791/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Chi Lăng)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Hộ gia đình, cá nhân Ông/bà	Tổng số tiền hỗ trợ khác	Trong đó		Ghi chú
			Hỗ trợ khác về cây cối, hoa màu theo khoản 4 Điều 17 Quy định kèm theo Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định tại Công văn số 47/UBND-KT ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh	Hỗ trợ khác về công trình, vật kiến trúc theo khoản 4 Điều 17 Quy định kèm theo Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định tại Công văn số 47/UBND-KT ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
I. Người được bồi thường, hỗ trợ thường trú tại khu Minh Hòa, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn					
1	Hộ ông Đỗ Đăng Hưng	74.353.013	70.892.100	3.460.913	
	Làm tròn	74.353.000			

(Bằng chữ: Bảy mươi tư triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn đồng)./.

BIỂU 2. CHI TIẾT KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÁC VỀ CÂY CỐI, HOA MÀU THEO KHOẢN 4 ĐIỀU 17 QUY ĐỊNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 07/2021/QĐ-UBND NGÀY 16/4/2021 CỦA UBND TỈNH LẠNG SƠN ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN: XÂY DỰNG MỞ MỚI TUYẾN ĐƯỜNG LIÊN XÃ TỪ THỊ TRẤN CHI LĂNG VÀO XÃ Y TỊCH, HUYỆN CHI LĂNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4791/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Chi Lăng)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Hộ gia đình/cá nhân	Loại cây cối, hoa màu	Đơn vị tính	Tổng số lượng cây cối, hoa màu	Diện tích quy mật độ	Đơn giá	Hệ số theo QĐ số 11/2017/QĐ-UBND ngày 10/4/2017				Thành tiền	Ghi chú
							Cây trồng ngoài mật độ (30% đơn giá)	Cây chuyên canh (50% đơn giá)	Cây trồng xen (60% đơn giá)	Cây trồng trên đất Lúa (10% đơn giá)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(5x7x8)	(13)
I. Người được bồi thường, hỗ trợ thường trú tại khu Minh Hòa, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn												
1	Hộ ông Đỗ Đăng Hưng										70.892.100	
	Thửa số 2.14, tờ số 1, diện tích 684,4m ² , NCS											
		Cây trồng trong mật độ				681,75						
		Cây Na, đường kính gốc > 10 cm	Cây	25	227,25	1.152.000					28.800.000	
		Cây Na, đường kính gốc > 7 đến 10 cm	Cây	47	427,23	783.000					36.801.000	
		Cây Na, đường kính gốc > 5 đến 7 cm	Cây	3	27,27	400.000					1.200.000	
		Cây trồng ngoài mật độ										
		Cây Na, đường kính gốc > 5 đến 7 cm	Cây	28		400.000	30%				3.360.000	
		Cây Na, đường kính gốc từ 2 đến 5 cm	Cây	12		142.000	30%				511.200	
		Cây Xoan, đường kính gốc > 10 đến 20 cm	Cây	1		66.000	30%				19.800	
		Cây Sưa, đường kính gốc từ 5 đến 10 cm	Cây	1		58.000	30%				17.400	
		Cây Na, đường kính gốc < 2 cm	Cây	11		51.000	30%				168.300	
		Cây Sưa, đường kính gốc < 5 cm	Cây	2		24.000	30%				14.400	
	Tổng										70.892.100	

(Bằng chữ: Bảy mươi triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, một trăm đồng)./.

BIỂU 3: CHI TIẾT KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÁC VỀ CÔNG TRÌNH, VẬT KIẾN TRÚC THEO KHOẢN 4 ĐIỀU 17 QUY ĐỊNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 07/2021/QĐ-UBND NGÀY 16/4/2021 CỦA UBND TỈNH LẠNG SƠN ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN: XÂY DỰNG MỞ MỚI TUYẾN ĐƯỜNG LIÊN XÃ TỪ THỊ TRẤN CHI LĂNG VÀO XÃ Y TỊCH, HUYỆN CHI LĂNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4791/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Chi Lăng)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Hộ gia đình/cá nhân (ông/bà)	Cấp công trình	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)x(6)	(8)
I. Người được bồi thường, hỗ trợ thường trú tại khu Minh Hòa, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn							
1	Hộ ông Đỗ Đăng Hưng					3.460.913	
	<i>Thừa số 2.14 từ 1</i>						
	a. Bể nước:						
	- Bể nước 1: Thành bể xây gạch chỉ dày 110mm, có đáy không có nắp BTCT, trát, láng vữa xi măng. KT: (1,0 x 0,7)m cao 0,7m		m ³	0,49	2.261.000	1.107.890	
	+ Đồi trừ phần không nắp BTCT (do không đảm bảo kết cấu)		m ³	0,04	-3.664.000	-153.888	
	- Bể nước 2: Thành bể xây gạch chỉ dày 110mm, có đáy không có nắp BTCT, trát, láng vữa xi măng. KT: (0,9 x 0,8)m cao 0,8m		m ³	0,58	2.261.000	1.302.336	
	+ Đồi trừ phần không nắp BTCT (do không đảm bảo kết cấu)		m ³	0,04	-3.664.000	-158.285	
	- Bể nước 3: Thành bể xây gạch chỉ dày 110mm, có đáy không có nắp BTCT, trát, láng vữa xi măng. KT: (1,0 x 1,0)m cao 0,7m		m ³	0,70	2.261.000	1.582.700	
	+ Đồi trừ phần không nắp BTCT (do không đảm bảo kết cấu)		m ³	0,06	-3.664.000	-219.840	
	Tổng					3.460.913	

(Bằng chữ: Ba triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn, chín trăm mười ba đồng)./.